TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12/02/2025
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà **Đoàn Thị Hương Nhu.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Vũ Thị Dung.**

Bà **Mai Thị Thảo**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 643/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Y**, sinh năm 2001;

Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương;

- Bị đơn: Anh **Đinh Công Đ**, sinh năm 1999;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm D, thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

(Chị Y vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Y trình bày: Chị và anh Đinh Công Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 17/9/2019. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên năm 2020 anh chị đã được Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương giải

quyết cho ly hôn. Nhưng vì con còn nhỏ nên ngày 30/3/2021 chị và anh Đ thực hiện đăng ký kết hôn lại tại UBND xã T (nay là thị trấn T), huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì anh chị đi lao động tại Đài Loan, ở Đài Loan anh chị tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, bên cạnh đó anh Đ chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần. Chị nhiều lần khuyên bảo nhưng anh không thay đổi mà còn chửi bới, đánh đập chị. Do không thể chịu đựng được nên tháng 7/2024 chị đã về Việt Nam ở hẳn cho đến nay, còn anh Đ vẫn đang lao động tại Đài Loan. Từ khi về nước, vợ chồng không quan tâm, không liên lạc với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đinh Thảo L, sinh ngày 12/5/2018, hiện con đang ở với chị. Chị đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai cũng như không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị Y không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Đ nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh Đ. Ông Đinh Công T (là bố đẻ anh Đ) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh Đ ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh Đ vẫn liên lạc với bà Trần Thị T1 là mẹ đẻ qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã đưa cho vợ ông là bà T1 để bà T1 thông báo cho anh Đ biết, còn bà T1 có thông báo cho anh Đ biết không thì ông không nắm được và ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, ông T còn trình bày vợ chồng anh Đ, chị Y kết hôn từ năm 2019, quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn và hay cãi nhau, nguyên nhân cụ thể ông không nắm được. Năm 2020 anh Đ, chị Y đã được Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà giải quyết cho ly hôn nhưng đến năm 2021 vợ chồng đăng ký kết hôn lại. Sau khi kết hôn anh chị cùng đi lao động tại Đài Loan, tuy nhiên cuộc sống tại Đài Loan không được hòa thuận nên chị Y đã về nước và chỉ sống tại gia đình ông được một tuần thì chị Y chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Nay chị Y có đơn xin ly hôn, anh Đ không có ý kiến gì, gia đình cũng không mong muốn anh chị ly hôn, tuy nhiên chị Y cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi chị Y, anh Đ đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị Y và anh Đ có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng hay xảy ra cãi nhau, hiện anh Đ vẫn đang lao động ở

nước ngoài. Chị Y có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Y ly hôn anh Đinh Công Đ; về con chung: Giao con chung Đinh Thảo L cho chị Y tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị Y không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị Y phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị Y có nơi cư trú tại thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương, bị đơn anh Đinh Công Đ có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn A, xã T (nay là KDC A, thị trấn T), huyện T, tỉnh Hải Dương. Hiện anh đang lao động, sinh sống tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Y không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Đ. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh Đ cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình anh Đ để gia đình thông báo cho anh Đ biết nhưng anh Đ không có quan điểm. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông T là bố đẻ anh Đ để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Y và anh Đ, đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì đây được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung. Tại phiên tòa lần thứ hai chị Y vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Y và anh Đinh Công Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là thị trấn T), huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 30/3/2021 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị Y và anh Đ đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng. Mặc dù đã ly hôn năm 2020, đến ngày 30/3/2021 vợ chồng đăng ký kết hôn lại nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện. Vợ chồng cùng nhau đi lao động tại Đài Loan và tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nên chị Y đã về nước và chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay chị Y có đơn xin ly hôn, nhưng anh Đ không có ý kiến, quan điểm gì và cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh Đ đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Y ly hôn anh Đ.

[4] Về quan hệ con chung: Con chung của chị Y và anh Đ là cháu Đinh Thảo L, sinh ngày 12/5/2018 hiện đang ở với chị Y. Chị Y đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện anh Đ đang lao động tại Đài Loan nên không có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Cháu Đinh Thảo L đang ở cùng chị Y, được chị Y chăm sóc tốt. Do vậy, cần giao con chung cho chị Y chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Y không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung*:* Chị Y, anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị Y phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Y, xử cho chị Phạm Thị Y ly hôn anh Đinh Công Đ.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Phạm Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đinh Thảo L, sinh ngày 12/5/2018 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Y không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Đinh Công Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Y phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 00005377 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, chị Y đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Đinh Công Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương;*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Nhu